TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - H phúc
Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST Ngày: 04-09-2020 *"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hằng .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bạn và ông Phạm Phúc Ân.

- Thư ký phiên toà: Bà Mạc Thị Thủy - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2020/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1971 (*có mặt*).

Nơi ĐKHKTT: Khu dân cư KM 2, phường VĐ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở hiện nay: Thôn TV, xã VD, huyện ĐT, tỉnh Quảng Ninh.

- ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1969 (*có mặt*).

Địa chỉ: Khu dân cư KM 2, phường VĐ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai chị Nguyễn Thị H trình bày như sau: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn M kết hôn ngày 06-03-1990 có đăng ký kết hôn tại UBND xã VD (nay là phường VD) thành phố C trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2007 thì anh M chơi cờ bạc, uống rượu nhiều và không chung thủy với chị. Chị có khuyên bảo thì anh M nổi cáu lên và đánh chị. Khoảng tháng 6-2013 chị đi xuất khẩu lao động ở Ả rập hợp đồng 02 năm. Sau khi về nước vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chính vẫn do anh M không chung thủy với chị. Chị có nói thì anh M lại chửi bới, đánh chị. Tình trạng này kéo dài đến tháng 6-2017 chị tiếp tục đi lao động tại Đài Loan. Trong thời gian ở nước ngoài chị gọi điện về, anh

M thường chửi bới xúc phạm chị, từ đó chị không gọi điện về cho anh M nữa.Tháng 12-2019 hết hạn hợp đồng về nước chị về nhà sống cùng anh M, anh M không thay đổi vẫn tiếp tục không chung thủy với chị và chửi bới, đánh chị vô cớ. Tháng 4-2020 anh M đánh và đuổi chị. Sau đó anh M vẫn tìm chị để mắng chửi, xúc phạm chị do vậy chị phải giấu địa chỉ chỗ ở và nơi làm việc không cho anh M cũng như không liên lạc với anh M. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng đề nghị Toà án sớm giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Anh M trình bày: Điều kiện vợ chồng kết hôn và chung sống đúng như chị H trình bày.Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 6-2013 thì chị H đi xuất khẩu lao động tại Ả Rập. Đầu năm 2017 về nước đến tháng 6-2017 thì lại đi lao động tại Đài Loan. Tháng 11-2019 chị H về nước. Trong suốt thời gian đi nước ngoài vợ chồng không có mâu thuẫn gì, bản thân anh cũng đồng ý để chị H đi làm ăn kinh tế.Vợ chồng chỉ mâu thuẫn từ khi chị H về nước nguyên nhân chính là do chị H không chung thuỷ với anh. Chị H bỏ nhà đi từ ngày 01-4-2020 (âm lịch) và ở đâu thì anh không biết. Anh có đi tìm chị H nhưng chị H chặn số máy và giấu không cho anh biết địa chỉ nơi ở và nơi làm việc. Anh chỉ gặp chị H khi đến tòa án giải quyết ly hôn. Quan điểm của anh là cũng không còn tình cảm với chị H nhưng anh không đồng ý ly hôn vì muốn giữ gia đình cho các cháu và là tấm gương cho các con rể.

Về con chung: Chị H và anh M trình bày vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Thị V, sinh năm 1991, Nguyễn Thị N, sinh năm 1994, Nguyễn Thị Hương Ng, sinh năm 1996 và Nguyễn Đức T, sinh năm 2005. Hiện nay cháu V, N, Ng đã trên 18 tuổi khoẻ mạnh bình thường nên không yêu cầu toà án giải quyết. Còn cháu T anh chị thỏa thuận để anh M được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là nhà đất ở Kênh Mai 2, Văn Đức, Chí Linh, Hải Dương và một số đồ dùng gia đình nhưng anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Xác minh với trưởng khu dân cư Kênh Mai 2, phường Văn Đức cung cấp: Chị H và anh M kết hôn năm 1990 có đăng ký kết hôn và được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và về chung sống với nhau tại KM 2, VD, C. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 1995 thì phát sinh mâu thuẫn. Sau đó chị H đi xuất khẩu lao động tại Ả Rập hết hạn thì lại đi xuất khẩu tại Quata và Đài Loan. Thời gian đi về cụ thể ông không biết nhưng cứ khi về nước lại vợ chồng lại đánh cãi nhau. Cứ lần nào đánh nhau là chị H lại chạy sang nhà ông vì thời điểm đó ông là công an viên của xã. Ông có động viên hòa giải vợ chồng nhiều lần, mỗi lần như vậy anh M thường bỏ đi. Sự việc lặp đi lặp lại nhiều lần chỉ từ khi chị H đi Đài Loan về lần cuối cùng thì vợ chồng chỉ đánh nhau một lần sau đó chị H có sang gặp nhờ xác nhận để làm thủ tục ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông là do chị H nghi ngờ anh M không chung thuỷ. Mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng căng thẳng. Hiện tại chị H không còn chung sống với anh M nữa, cũng không có mặt tại địa phương. Đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của anh chị và quy định của pháp luật. Về con

chung: Vợ chồng có 04 con chung, hai cháu lớn đã lập gia đình, cháu gái thứ ba hiện đang bán hàng tại Sao Đỏ. Còn cháu T vẫn đang ở với anh M. Anh M rất yêu thương và chăm sóc cháu chu đáo, cháu T học tập và sinh sống ổn định với anh M.Về tài sản chung địa phường không biết.

Xác minh với phó chủ tịch UBND phường Văn Đức cung cấp: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn M kết hôn tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do anh chị đều nghi ngờ nhau không chung thủy. Chị H đi xuất khẩu lao động nhiều lần và nhiều nước. Hiện tại chị H không còn chung sống với anh M nữa và cũng không có mặt tại địa phương. Hiện anh M sống cùng với cháu T, cuộc sống cũng như việc học tập của cháu T ổn định.

Biên bản ghi lời khai anh Nguyễn Văn T (anh trai anh M) trình bày: Trong quá trình chung sống anh M và chị H có đánh cãi nhau vài lần. Nguyên nhân chính là do chị H ghen tuông, thường xuyên nghi ngờ anh M không chung thủy. Hiện tại chị H không còn chung sống với anh M nữa, chị H sống cùng con gái tại Sao Đỏ.

Tại phiên toà:

Chị H giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh M và giữ nguyên quan điểm về con chung, về tài sản chung.

Anh M thừa nhận có đánh và chửi chị H nhiều lần do nghi ngờ chị H không chung thủy. Nhưng anh xác định anh vẫn còn yêu thương chị, việc vợ chồng cãi đánh nhau nhà nào cũng vậy không phải là mâu thuẫn vợ chồng. Nay anh không đồng ý ly hôn chị H. Về con chung và tài sản chung anh vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Đức T, sinh ngày 13-10-2005 cho anh Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, anh M tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Còn đối với 03 con chung đã trên 18 tuổi, chị H và anh M không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn M có địa chỉ cư trú tại khu dân cư KM 2, phường VĐ, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn M kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh chị không tin tưởng nhau chung thủy, vợ chồng thiếu lòng tin đối với nhau. Mâu thuẫn giữa anh chị ngày càng trầm trọng và anh chị đã ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Từ khi vợ chồng sống ly thân, anh M cũng không tìm gặp chị H về đoàn tụ, chị H thì sợ anh M tìm đánh nên giấu địa chỉ, tránh không gặp anh M. Chị H xác định vợ chồng không còn tình cảm, anh M cũng thừa nhận có đánh và chửi chị H nhiều lần, vợ chồng từ khi ly thân không gặp nhau nhưng vì muốn giữ gia đình cho các con nên anh không đồng ý ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, toà án đã nhiều lần làm việc, triệu tập anh M để động viên, hoà giải nhưng anh M không nhất trí hoà giải, tại phiên họp công khai chứng cứ anh còn có thái độ chửi bới, doạ đánh chị H. Do đó có thể nhận thấy việc anh M không đồng ý ly hôn với chị H không phải vì mục đích muốn gia đình về đoàn tụ, mà chỉ để gây khó khăn cho chị H. Kết quả xác M tại địa phương cũng thể hiện mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng. Như vậy HĐXX thấy rằng vợ chồng vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân của anh chị đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 04 con chung, 03 con chung đã trên 18 tuổi, trưởng thành, khỏe mạnh, anh M và chị H không yêu cầu giải quyết nên không xét. Đối với con chung Nguyễn Đức T chị H và anh M thống nhất thỏa thuận để anh M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh M tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Cháu T hiện đang do anh M nuôi dưỡng, kể cả trong suốt thời gian chị H đi nước ngoài. Hiện cháu đang học tập, sinh sống phát triển ổn định. Do vậy HĐXX chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị giao con chung cho anh M nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh M là phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản: Do các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX không giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Đức T, sinh ngày 13-10-2005 cho anh Nguyễn Văn M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác, anh M tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Còn đối với các con chung Nguyễn Thị V, sinh năm 1991, Nguyễn Thị N, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Hương Ng, sinh năm 1996 đều đã trên 18 tuổi, trưởng thành, khỏe mạnh các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

Chị Nguyễn Thị H được quyền thăm nom con chung không ai cản trở.

Về tài sản: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0006418 ngày 11-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *VKSND thành phố Chí Linh;*
- *Chi cục THADS TP. Chí Linh;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường Văn Đức, TP. Chí Linh, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Lê Thị Thu Hằng